

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang.

Bà Đoàn Thị Sim.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Q, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2023 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn bà Lâm Thị Q trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn K kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 19 tháng 8 năm 2005. Trong quá trình chung sống giữa chị và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông K không quan tâm, không chăm lo cuộc sống gia đình nên giữa bà và ông K thường hay cự cãi với nhau. Do cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông K không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn K. Về con chung, có hai người tên là Huỳnh Thị T (giới tính nữ),

sinh năm 2004 và Huỳnh Vũ H (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012, đối với Huỳnh Thị T hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Riêng Huỳnh Vũ H hiện do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 7 năm 2023, bị đơn ông Huỳnh Văn K trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn đúng như bà Q đã khai, giữa ông và bà Q có xảy ra mâu thuẫn là do ông và bà Q bất đồng quan điểm sống, nay cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Q không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn. Con chung, đối với Huỳnh Thị T hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên ông không yêu cầu giải quyết. Riêng Huỳnh Vũ H hiện do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng nhưng nay bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Vũ H và yêu cầu ông cấp dưỡng thì ông không đồng ý, ông yêu cầu được nuôi dưỡng Huỳnh Vũ H vì ông có tài sản, thu nhập để nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Lâm Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Văn K cư trú tại ấp M, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lâm Thị Q vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Q và ông Huỳnh Văn K là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà Lâm Thị Q và ông Huỳnh Văn K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa bà Q và ông K là hôn nhân hợp pháp. Bà Q yêu cầu ly hôn với ông K vì bà Q cho rằng quá trình chung sống giữa bà Q và ông K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông K không quan tâm, không chăm lo cuộc sống gia đình nên giữa bà Q và ông K thường hay cự cãi với nhau. Ông K cho rằng giữa ông K và bà Q có xảy ra mâu thuẫn nhưng do bất đồng quan điểm sống. Nhưng bà Q và bà K đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa bà Q và ông K không còn hạnh phúc, không hàn gắn, đoàn tụ được nên bà Q yêu cầu được ly hôn và ông K cũng đồng ý ly hôn với bà Q. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp

nhận cho bà Q ly hôn với ông K là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, đối với Huỳnh Thị T (giới tính nữ), sinh năm 2004, hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét. Riêng Huỳnh Vũ H (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012, bà Q và ông K đều có yêu cầu được nuôi dưỡng. Ông K cho rằng ông có tài sản và thu nhập để nuôi con nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho vấn đề ông trình bày. Hơn nữa, Huỳnh Vũ H hiện đang do bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng và Huỳnh Vũ H cũng có nguyện vọng được sống chung với bà Q. Do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao Huỳnh Vũ H cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì bà Q yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tuy nhiên, ông K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà Q. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Q được chấp nhận, buộc ông K cấp dưỡng nuôi con chung tên là Huỳnh Vũ H (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012 với mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Huỳnh Vũ H đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động là có căn cứ.

[4] Bà Q và ông K chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lâm Thị Q phải chịu, ông Huỳnh Văn K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Thị Q ly hôn với ông Huỳnh Văn K.

2. Về con chung, giao bà Lâm Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Vũ H (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012.

Ông Huỳnh Văn K cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2023) cho đến khi Huỳnh Vũ H đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Huỳnh Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lâm Thị Q phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019017, ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên bà Lâm Thị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Huỳnh Văn K phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ